

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC  
DUYÊN HẢI**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG – T.D.K**

## MỤC LỤC

| <b>STT</b> | <b>Nội dung</b>   | <b>Trang</b>  |
|------------|---|---------------|
| <b>1</b>   | <b>Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b> | <b>1 – 2</b>  |
| <b>2</b>   | <b>Báo cáo kiểm toán</b>                                  | <b>3 – 4</b>  |
| <b>3</b>   | <b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>                |               |
| -          | <i>Bảng cân đối kế toán</i>                               | <b>5 – 6</b>  |
| -          | <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>               | <b>7</b>      |
| -          | <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>                         | <b>8</b>      |
| -          | <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>                  | <b>9 – 20</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

**Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2010, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Vốn điều lệ: **100.800.000.000 đồng (Một trăm tỷ, tám trăm triệu đồng);**

**Các công ty con của Công ty như sau :**

| <b>Tên</b>   | <b>Địa chỉ</b>  |
|--|---|
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải                           | Km 104+200 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng |
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ                   | Khu CN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                                 |
| - Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải                  | Km 104+200 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng |
| - Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải            | Km 104+200 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội | Phòng 212, Nhà N3A, Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội               |

**Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:**

**Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b>  | <b>Chức danh</b> | <b>Ngày bổ nhiệm</b> | <b>Ngày miễn nhiệm</b> |
|------------|-------------------|------------------|----------------------|------------------------|
| 1          | Nguyễn Đình Chung | Chủ tịch         | 20/04/2008           | T4/2013                |
| 2          | Lê Thái Cường     | Ủy viên          | 20/04/2008           | T4/2013                |
| 3          | Nguyễn Văn Tường  | Ủy viên          | 20/04/2008           | 10/04/2010             |
| 4          | Lê Thị Hồng Hạnh  | Ủy viên          | 20/04/2008           | 10/04/2010             |
| 5          | Vũ Thị Phú        | Ủy viên          | 20/04/2008           | T4/2013                |

**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm:**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b>   | <b>Chức danh</b>  |
|------------|--------------------|-------------------|
| 1          | Nguyễn Đình Chung  | Tổng Giám đốc     |
| 2          | Lê Thái Cường      | Phó Tổng Giám đốc |
| 3          | Hoàng Thị Ngọc Lan | Phó Tổng Giám đốc |

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

**Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

## Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 7 năm 2011

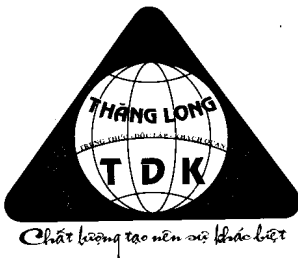
**Thay mặt, đại diện cho:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN ĐÌNH CHUNG**



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

## THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Số 23/61 đường Trần Duy Hưng  
Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, phường 11  
Chi nhánh Quận 1 - TP.HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM  
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng  
Chi nhánh Lạng Sơn : Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu

-Tel: (04)6 251 0008 -Fax: (04)6 251 1327  
-Tel: (08)3 589 7462 -Fax: (08)3 589 7464  
-Tel: (08)3 848 0763 -Fax: (08)3 526 7187  
-Tel: (0511) 3 651 818 -Fax: (0511) 3 651 868  
-Tel: (025)3 718 545 -Fax: (025)3 716 264

Số: 49 <sup>8-11</sup> /SCM /BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 22 tháng 7 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến*

Công việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực và quy chế này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trong yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### *Ý kiến Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải tại ngày 31/12/2009, kết

quả kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, các báo cáo được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
THĂNG LONG – T.D.K**



**Tổng Giám đốc**

**TÙ QUỲNH HẠNH**

*Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV*

**Kiểm toán viên**



**LƯU ANH TUẤN**

*Chứng chỉ KTV số: 1026 /KTV*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN  | Mã Số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     | <b>100</b> |             | <b>28.909.049.432</b>  | <b>2.760.881.029</b>  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> |             | <b>12.732.571.756</b>  | <b>590.040.965</b>    |
| 1. Tiền  | 111        | V.01        | 12.732.571.756         | 590.040.965           |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>120</b> |             | <b>0</b>               | <b>0</b>              |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>10.023.260.716</b>  | <b>2.069.737.193</b>  |
| 1. Phải thu khách hàng                         | 131        |             | 3.279.044.855          | 1.668.455.388         |
| 2. Trả trước cho người bán                     | 132        |             | 2.198.000.000          | 110.000.000           |
| 5. Các khoản phải thu khác                     | 135        | V.02        | 4.546.215.861          | 291.281.805           |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | <b>140</b> |             | <b>0</b>               | <b>0</b>              |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                | <b>150</b> |             | <b>6.153.216.960</b>   | <b>101.102.871</b>    |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ         | 152        | V.03        | 595.033.932            | 37.706.871            |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác                       | 158        | V.04        | 5.558.183.028          | 63.396.000            |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>103.282.164.561</b> | <b>91.389.480.820</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | <b>0</b>               | <b>0</b>              |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>7.487.724.385</b>   | <b>68.918.544</b>     |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | V.05        | 7.359.406.205          | 68.918.544            |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 7.502.711.596          | 72.042.946            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (143.305.391)          | (3.124.402)           |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 230        | V.06        | 128.318.180            | 0                     |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>240</b> |             | <b>0</b>               | <b>0</b>              |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>  | <b>250</b> |             | <b>95.546.120.074</b>  | <b>91.126.120.074</b> |
| 1. Đầu tư vào Công ty con                      | 251        | V.07        | 95.546.120.074         | 91.126.120.074        |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>248.320.102</b>     | <b>194.442.202</b>    |
| 3. Tài sản dài hạn khác                        |            | V.08        | 248.320.102            | 194.442.202           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       | <b>270</b> |             | <b>132.191.213.993</b> | <b>94.150.361.849</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Số 198 đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                     | Mã Số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |             | <b>17.617.916.459</b>  | <b>1.256.589.735</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>17.617.916.459</b>  | <b>1.256.589.735</b>  |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | V.09        | 7.472.580.266          | 0                     |
| 2. Phải trả người bán                         | 312        |             | 8.742.578.920          | 1.220.610.978         |
| 3. Người mua trả tiền trước                   | 313        |             | 1.015.000.000          | 0                     |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | V.10        | 73.200.021             | 8.978.757             |
| 5. Phải trả người lao động                    | 315        |             | 157.055.826            | 24.000.000            |
| 6. Chi phí phải trả                           | 316        |             | 128.190.000            | 0                     |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | V.11        | 29.311.426             | 3.000.000             |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>0</b>               | <b>0</b>              |
| <b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>400</b> |             | <b>114.573.297.534</b> | <b>92.893.772.114</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | <b>V.12</b> | <b>114.557.614.521</b> | <b>92.893.772.114</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 411        |             | 100.795.330.000        | 90.900.000.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 412        |             | 2.727.192.000          | 0                     |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                     | 418        |             | 15.683.013             | 0                     |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         | 420        |             | 11.019.409.508         | 1.993.772.114         |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>         | <b>430</b> |             | <b>15.683.013</b>      | <b>0</b>              |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 431        |             | 15.683.013             | 0                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    | <b>440</b> |             | <b>132.191.213.993</b> | <b>94.150.361.849</b> |

Lập, ngày 22 tháng 7 năm 2011

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



HOÀNG THỊ NGỌC LAN



NGUYỄN ĐÌNH CHUNG



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Năm 2009*

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay        | Năm trước     |
|--|-------|-------------|----------------|---------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 1     | VI.13       | 16.230.181.626 | 5.218.273.912 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 2     |             | 0              | 0             |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 16.230.181.626 | 5.218.273.912 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.14       | 13.452.908.834 | 4.630.089.459 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 2.777.272.792  | 588.184.453   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.15       | 12.307.653.104 | 2.002.095.980 |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.16       | 535.744.462    | 18.737.484    |
| - Trong đó : Chi phí lãi vay                       | 23    |             | 505.682.413    | 0             |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    |             | 0              | 0             |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    |             | 2.085.207.193  | 567.939.513   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 12.463.974.241 | 2.003.603.436 |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |             | 0              | 0             |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |             | 0              | 0             |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 0              | 0             |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 12.463.974.241 | 2.003.603.436 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành                | 51    | V.17        | 79.230.903     | 9.831.322     |
| 16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại                 | 52    |             | 0              | 0             |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 12.384.743.338 | 1.993.772.114 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    |             |                |               |

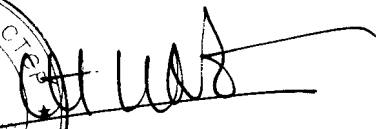
*Lập, ngày 22 tháng 7 năm 2011*

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



**HOÀNG THỊ NGỌC LAN**

**NGUYỄN ĐÌNH CHUNG**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Năm nay                | Năm trước               |
|--|-----------|------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>              |           |                        |                         |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác    | 01        | 16.732.179.393         | 3.817.197.354           |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ           | 02        | (17.254.139.318)       | (4.425.725.750)         |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                             | 03        | (360.858.904)          | (136.283.000)           |
| 4. Tiền chi trả lãi vay  | 04        | (82.291.192)           | 0                       |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                     | 05        | (19.453.708)           | (16.858.971)            |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                       | 06        | 23.197.664.385         | 15.777.101.852          |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                      | 07        | (27.977.760.582)       | (14.127.227.500)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>           | <b>20</b> | <b>(5.764.659.926)</b> | <b>888.203.985</b>      |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                 |           |                        |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác    | 21        | (169.955.413)          | (72.042.946)            |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                    | 25        | (2.570.000.000)        | (91.126.120.074)        |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia         | 27        | 12.286.558.537         | 0                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>               | <b>30</b> | <b>9.546.603.124</b>   | <b>(91.198.163.020)</b> |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>             |           |                        |                         |
| 1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu      | 31        | 12.627.192.000         | 90.900.000.000          |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                        | 33        | 9.049.154.831          | 0                       |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                     | 34        | (9.983.349.320)        | 0                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                     | 36        | (3.332.409.918)        | 0                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>40</b> | <b>8.360.587.593</b>   | <b>90.900.000.000</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                          | <b>50</b> | <b>12.142.530.791</b>  | <b>590.040.965</b>      |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                         | <b>60</b> | <b>590.040.965</b>     | <b>0</b>                |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b> | <b>61</b> | <b>0</b>               | <b>0</b>                |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                        | <b>70</b> | <b>12.732.571.756</b>  | <b>590.040.965</b>      |

Lập, ngày 22 tháng 7 năm 2011

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



HOÀNG THỊ NGỌC LAN




NGUYỄN ĐÌNH CHUNG

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 01 năm 2010, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Vốn điều lệ: **100.800.000.000 đồng (Một trăm tỷ, tám trăm triệu đồng);**

Vốn điều lệ thực góp: **100.795.330.000 ( Một trăm tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng)**

Cơ cấu vốn điều lệ:

| STT         | Tên               | Vốn đăng ký (VND)      | Tỷ lệ sở hữu (%) | Vốn thực góp đến 31/12/2009 (VND) | Tỷ lệ thực góp (%) |
|-------------|-------------------|------------------------|------------------|-----------------------------------|--------------------|
| 1           | Nguyễn Đình Chung | 54.036.490.000         | 53,60            | 54.036.490.000                    | 100,00             |
| 2           | Lưu Thị Khiêm     | 614.580.000            | 0,61             | 614.580.000                       | 100,00             |
| 3           | Lê Thái Cường     | 4.839.980.000          | 4,80             | 4.839.980.000                     | 100,00             |
| 4           | Bùi Chí Hùng      | 3.838.410.000          | 3,81             | 3.838.410.000                     | 100,00             |
| 5           | Phạm Lệ Thu       | 1.658.240.000          | 1,65             | 1.658.240.000                     | 100,00             |
| 6           | Bùi Thị Thu       | 1.372.190.000          | 1,36             | 1.372.190.000                     | 100,00             |
| 7           | Trần Thị Kim Hồng | 2.072.800.000          | 2,06             | 2.072.800.000                     | 100,00             |
| 8           | Vũ Thị Phú        | 1.036.400.000          | 1,03             | 1.036.400.000                     | 100,00             |
| 9           | Nguyễn Văn Đào    | 952.450.000            | 0,94             | 952.450.000                       | 100,00             |
| 10          | Các cổ đông khác  | 30.378.460.000         | 30,14            | 30.373.790.000                    | 99,98              |
| <b>Cộng</b> |                   | <b>100.800.000.000</b> | <b>100,00</b>    | <b>100.795.330.000</b>            | <b>99,99</b>       |

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Sản xuất, dịch vụ.

**3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2010, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- ❖ Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- ❖ Vận tải hàng hoá ven biển;

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

- ❖ Vận tải hàng hoá viễn dương;
- ❖ Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- ❖ Dịch vụ đại lý tàu biển;
- ❖ Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc, bán rơ moóc;
- ❖ Dịch vụ khai thác cảng biển, khai thác cảng thông quan nội địa, dịch vụ XNK hàng hoá;
- ❖ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- ❖ Bán buôn bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh khác
- ❖ Kinh doanh bất động sản ( bao gồm cho thuê văn phòng nhà xưởng)

## 4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu

| Tên  | Tỷ lệ sở hữu |
|--|--------------|
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải                           | 99,68%       |
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ                   | 99,68%       |
| - Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải                  | 99,35%       |
| - Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải            | 99,00%       |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội | 100,00%      |

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính

#### IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

###### 1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

###### 1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 và được ước tính như sau:

|                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc    | 06 – 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị         | 06 – 10 năm |
| - Phương tiện vận tải       | 06 – 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 năm |

## **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

### **5.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.**

##### **10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các

khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 là 25%.

Năm 2009, Công ty được giảm 30% số thuế phải nộp theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

*Đơn vị tính: VND*

| 01. Tiền                                    | <u>Cuối năm</u>              | <u>Đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|---------------------------|
| - Tiền mặt                                  | 9.425.487.004                | 117.515.671               |
| - Tiền gửi ngân hàng (VND)                  | 3.307.084.752                | 472.525.294               |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u>12.732.571.756</u></b> | <b><u>590.040.965</u></b> |
| 02. Các khoản phải thu khác                 | <u>Cuối năm</u>              | <u>Đầu năm</u>            |
| - CN Công ty CP DV Hàng Hải                 | 0                            | 350.000                   |
| - Công ty TNHH tiếp vận tốc độ tối đa An Tú | 0                            | 5.264.700                 |
| - Công ty TNHH Maxpeed Hà Nội               | 26.396.334                   | 39.507.105                |
| - Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải   | 0                            | 200.000.000               |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

**Báo cáo tài chính****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

|  |                      |                    |
|--|----------------------|--------------------|
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải               | 0                    | 760.000            |
| - Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải  | 0                    | 45.400.000         |
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ       | 1.376.757.900        | 0                  |
| - Công ty TNHH Container Minh Thành            | 3.132.736.667        | 0                  |
| - Nguyễn Thị Thanh Hương                       | 10.000.000           | 0                  |
| - Lê Thái Cường                                | 324.960              | 0                  |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>4.546.215.861</b> | <b>291.281.805</b> |
| <b>03. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b> | <i>Cuối năm</i>      | <i>Đầu năm</i>     |
| - Thuế GTGT còn được khấu trừ                  | 595.033.932          | 37.706.871         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>595.033.932</b>   | <b>37.706.871</b>  |
| <b>04. Tài sản ngắn hạn khác</b>               | <i>Cuối năm</i>      | <i>Đầu năm</i>     |
| - Tạm ứng                                      | 5.421.870.111        | 63.396.000         |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 136.312.917          | 0                  |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>5.558.183.028</b> | <b>63.396.000</b>  |

**05. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình***Đơn vị tính: VND*

| Khoản mục                               | Phương tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tổng cộng     |
|---|--------------------------------|--------------------------|---------------|
| <b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>      |                                |                          |               |
| Số dư đầu năm                           | 0                              | 72.042.946               | 72.042.946    |
| - Mua trong năm                         | 7.430.668.650                  | 0                        | 7.430.668.650 |
| Số dư cuối năm                          | 7.430.668.650                  | 72.042.946               | 7.502.711.596 |
| <b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>       |                                |                          |               |
| Số dư đầu năm                           | 0                              | 3.124.402                | 3.124.402     |
| - Khấu hao trong năm                    | 123.622.256                    | 16.558.733               | 140.180.989   |
| Số dư cuối năm                          | 123.622.256                    | 19.683.135               | 143.305.391   |
| <b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b> |                                |                          |               |
| - Tại ngày đầu năm                      | 0                              | 68.918.544               | 68.918.544    |
| - Tại ngày cuối năm                     | 7.307.046.394                  | 52.359.811               | 7.359.406.205 |

**06. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                    |                    |                |
|--------------------|--------------------|----------------|
| - Chi phí sửa chữa | <i>Cuối năm</i>    | <i>Đầu năm</i> |
|                    | 128.318.180        | 0              |
| <b>Cộng</b>        | <b>128.318.180</b> | <b>0</b>       |

**07. Đầu tư vào Công ty con**

|  |                 |                |
|--|-----------------|----------------|
|  | <i>Cuối năm</i> | <i>Đầu năm</i> |
|--|-----------------|----------------|

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

*Báo cáo tài chính*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009*

|  |                       |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - CT TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải                 | 14.503.099.339        | 14.503.099.339        |
| - CT TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải            | 32.867.444.563        | 30.667.444.563        |
| - CT TNHH Vận tải Duyên Hải                          | 45.655.576.172        | 45.655.576.172        |
| - CT CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội      | 2.520.000.000         | 300.000.000           |
| <b>Cộng</b>  | <b>95.546.120.074</b> | <b>91.126.120.074</b> |
| <b>08. Tài sản dài hạn khác</b>                      | <i>Cuối năm</i>       | <i>Đầu năm</i>        |
| - Chi phí trả trước dài hạn                          | 248.320.102           | 194.442.202           |
| <b>Cộng</b>  | <b>248.320.102</b>    | <b>194.442.202</b>    |
| <b>09. Vay và nợ ngắn hạn</b>                        | <i>Cuối năm</i>       | <i>Đầu năm</i>        |
| <i>Vay ngắn hạn</i>                                  |                       |                       |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương                 | 1.463.778.546         | 0                     |
| - Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Hồng Bàng             | 450.735.720           | 0                     |
| - Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải            | 1.500.000.000         |                       |
| - Các đối tượng khác                                 | 4.058.066.000         | 0                     |
| + Phạm Thành Hiếu                                    | 1.000.000.000         | 0                     |
| + Lưu Thị Khiên                                      | 257.000.000           | 0                     |
| + Nguyễn Đức Hải                                     | 1.160.000.000         | 0                     |
| + Đinh Ngọc Phương                                   | 400.000.000           | 0                     |
| + Nguyễn Thị Kim Loan                                | 15.000.000            | 0                     |
| + Nguyễn Bích Thủy                                   | 340.000.000           | 0                     |
| + Nguyễn Thị Bình                                    | 100.000.000           | 0                     |
| + Nguyễn Thị Vân                                     | 100.000.000           | 0                     |
| + Lê Thái Cường                                      | 194.000.000           | 0                     |
| + Khúc Thị Thịnh                                     | 302.066.000           | 0                     |
| + Lưu Thị Huế  | 190.000.000           | 0                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>7.472.580.266</b>  | <b>0</b>              |
| <b>10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>       | <i>Cuối năm</i>       | <i>Đầu năm</i>        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp                         | 68.755.952            | 8.978.757             |
| - Thuế thu nhập cá nhân                              | 4.444.069             | 0                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>73.200.021</b>     | <b>8.978.757</b>      |
| <b>11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác</b> | <i>Cuối năm</i>       | <i>Đầu năm</i>        |
| - Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải            | 8.383.398             | 0                     |
| - Công ty TNHH Sản xuất & TM Duyên Hải               | 6.492.510             | 0                     |
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải                     | 10.935.518            | 0                     |
| - Ông Đào Phúc                                       | 3.500.000             | 3.000.000             |
| <b>Cộng</b>  | <b>29.311.426</b>     | <b>3.000.000</b>      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Số 189 đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**12. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu**

| Nội dung                   | Vốn đầu tư chủ sở hữu  | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế    | Tổng cộng              |
|----------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước        | 0                      | 0                    | 0                      | 0                     | 0                      |
| - Tăng vốn trong năm trước | 90.900.000.000         | 0                    | 0                      | 0                     | 90.900.000.000         |
| - Lãi trong năm trước      | 0                      | 0                    | 0                      | 1.993.772.114         | 1.993.772.114          |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>   | <b>90.900.000.000</b>  | <b>0</b>             | <b>0</b>               | <b>1.993.772.114</b>  | <b>92.893.772.114</b>  |
| - Tăng vốn trong năm nay   | 9.895.330.000          | 0                    | 0                      | 0                     | 9.895.330.000          |
| - Lãi trong năm nay        | 0                      | 0                    | 0                      | 12.384.743.338        | 12.384.743.338         |
| - Tăng khác                | 0                      | 2.727.192.000        | 15.683.013             | 4.670.000             | 2.747.545.013          |
| - Giảm khác                | 0                      | 0                    | 0                      | (3.363.775.944)       | (3.363.775.944)        |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>  | <b>100.795.330.000</b> | <b>2.727.192.000</b> | <b>15.683.013</b>      | <b>11.019.409.508</b> | <b>114.557.614.521</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

| b, Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu | <i>Cuối năm</i>        | <i>Đầu năm</i>        |
|---|------------------------|-----------------------|
| Vốn góp của Cổ đông sáng lập                | 70.473.360.000         | 67.948.250.000        |
| Vốn góp của CBCNV                           | 3.645.490.000          | 3.643.800.000         |
| Vốn góp của Cổ đông ngoài                   | 26.676.480.000         | 19.307.950.000        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>100.795.330.000</b> | <b>90.900.000.000</b> |

| c, Cổ phiếu                              | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|--|----------------|------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 10.079.533     | 9.090.000        |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 0              | 0                |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 0              | 0                |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | 0              | 0                |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại         | 9.090.000      | 9.090.000        |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 9.090.000      | 9.090.000        |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | 0              | 0                |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 0              | 0                |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 0              | 0                |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | 0              | 0                |

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

Đơn vị tính: VND

| 13. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | <i>Năm nay</i>        | <i>Năm trước</i>     |
|--|-----------------------|----------------------|
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ               | 16.230.181.626        | 5.218.273.912        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>16.230.181.626</b> | <b>5.218.273.912</b> |

| 14. Giá vốn hàng bán              | <i>Năm nay</i>        | <i>Năm trước</i>     |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 13.452.908.834        | 4.630.089.459        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>13.452.908.834</b> | <b>4.630.089.459</b> |

| 15. Doanh thu hoạt động tài chính | <i>Năm nay</i>        | <i>Năm trước</i>     |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| - Lãi tiền gửi ngân hàng          | 60.359.314            | 6.256.222            |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia     | 12.071.083.084        | 1.900.000.000        |
| - Chênh lệch tỷ giá               | 176.210.706           | 95.839.758           |
| <b>Cộng</b>                       | <b>12.307.653.104</b> | <b>2.002.095.980</b> |

| 16. Chi phí tài chính | <i>Năm nay</i>     | <i>Năm trước</i>  |
|-----------------------|--------------------|-------------------|
| - Chênh lệch tỷ giá   | 30.062.049         | 18.737.484        |
| - Chi phí lãi vay     | 505.682.413        | 0                 |
| <b>Cộng</b>           | <b>535.744.462</b> | <b>18.737.484</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

**Báo cáo tài chính****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                | Năm nay        | Năm trước     |
|---|----------------|---------------|
| 1 Tổng lợi nhuận kết toán trước thuế  | 12.463.974.241 | 2.003.603.436 |
| 2 Các khoản thu nhập không được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN                | 12.071.083.084 | 1.900.000.000 |
| 3 Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế                  | 0              | 0             |
| 4 Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm( 4=1-2+3)                                | 392.891.157    | 103.603.436   |
| 5 Thuế suất thuế TNDN   | 25%            | 28%           |
| 6 Chi phí thuế TNDN hiện hành( 6=4*5)   | 98.222.789     | 29.008.962    |
| 7 Số thuế được miễn giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 | 29.466.837     | 19.177.640    |
| 8 Số thuế phải nộp thêm năm 2008 do xác định lại                                | 10.474.951     | 0             |
| 9 Thuế TNDN phải nộp năm 2009(8=5-6+7)  | 79.230.903     | 9.831.322     |

(\*) Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các Công ty con

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau :

| Các bên liên quan  | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ                          | Giá trị giao dịch (VND) |
|--|-------------|---|-------------------------|
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải                           | Công ty con | Cho thuê xe, dịch vụ điện thoại             | 120.223.247             |
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ                   | Công ty con | Cho thuê xe, dịch vụ điện thoại             | 46.459.416              |
| - Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải                  | Công ty con | Cho thuê xe, dịch vụ điện thoại             | 298.495.424             |
| - Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải            | Công ty con | Dịch vụ điện thoại                          | 47.373.343              |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội | Công ty con | Dịch vụ điện thoại                          | 12.983.947              |
| - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải                           | Công ty con | Phí dịch vụ CFS, Shipline, bãi, sửa chữa... | 6.308.849.521           |
| - Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải                  | Công ty con | Phí vận chuyển                              | 268.934.212             |
| - Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải            | Công ty con | Phí thuê văn phòng, Shipline, sửa chữa...   | 3.189.130.383           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

*Báo cáo tài chính*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009*

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2008 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội kiểm toán.

**3. Thông tin về tính hoạt động liên tục**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

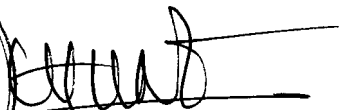
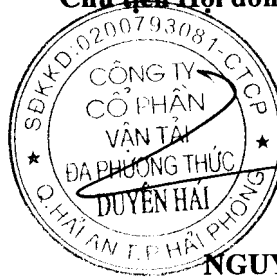
*Lập, ngày 22 tháng 7 năm 2011*

**Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**



**HOÀNG THỊ NGỌC LAN**



**NGUYỄN ĐÌNH CHUNG**